



HAI MINH
CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17 Pearl Plaza – 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 35.128.668

FAX: (028) 35.128688

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 VÀ NĂM 2017

(MÃ CK: HMH)

TP.HCM, Ngày 29 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B01a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		95.338.176.664	99.530.822.537
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.743.685.642	46.523.785.892
1. Tiền	111		11.697.094.449	14.023.785.892
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.046.591.193	32.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.918.946.736	1.282.694.444
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.10a	9.529.406.637	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.389.540.099	1.282.694.444
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.864.331.805	47.853.988.976
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	30.287.098.859	35.826.973.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		345.099.760	3.639.321.927
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	7.984.546.314	8.387.693.815
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(752.413.128)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	656.094.633	730.863.097
Hàng tồn kho	141		656.094.633	730.863.097
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.155.117.848	3.139.490.128
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.959.505.097	2.427.924.109
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		584.056.374	309.289.971
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	611.556.377	402.276.048
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		190.525.497.664	188.364.965.400
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		367.088.000	467.088.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	367.088.000	467.088.000
II. Tài sản cố định	220		132.396.468.016	97.718.418.334
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	108.890.561.779	95.846.912.917
<i>Nguyên giá</i>	222		187.123.109.273	162.856.805.968
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(78.232.547.494)	(67.009.893.051)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	23.505.906.237	1.871.505.417
<i>Nguyên giá</i>	228		24.058.532.693	1.893.987.237
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(552.626.456)	(22.481.820)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.772.884.999	40.662.097.159
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	4.772.884.999	40.662.097.159
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10b	47.985.303.535	43.867.260.720
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		45.085.286.716	40.967.243.901
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.900.016.819	2.900.016.819
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.003.753.114	5.650.101.187
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	4.793.544.571	5.471.071.647
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		210.208.543	179.029.540
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		285.863.674.328	287.895.787.937

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.482.371.170	22.592.751.676
I. Nợ ngắn hạn	310		16.297.371.170	22.437.751.676
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	10.179.828.959	11.560.934.565
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.161.310.787	1.260.459.277
3. Phải trả người lao động	314		2.921.520.470	1.190.245.281
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		354.626.361	115.011.375
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.096.401.217	7.809.293.895
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		63.548.886	87.253.053
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	520.134.490	414.554.230
II. Nợ dài hạn	330		185.000.000	155.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	185.000.000	155.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		269.381.303.158	265.303.036.261
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	269.381.303.158	265.303.036.261
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.745.703.936	6.746.260.664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.420.219.522	119.339.287.797
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>101.346.722.257</i>	<i>88.342.229.587</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>22.073.497.265</i>	<i>30.997.058.210</i>
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.322.925.429	1.325.033.529
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		285.863.674.328	287.895.787.937

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
 BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

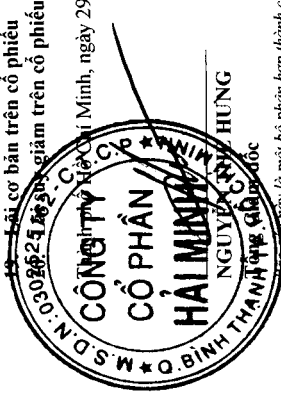
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2017

(Có so sánh với số liệu Quý IV năm 2016)

	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2017		Quý IV năm 2016		Năm 2017	Năm 2016	MÃU B02a-DN Đơn vị tính: VND
			Thuyết minh	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016	Năm 2017			
CHỈ TIÊU									
1.	01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	V1.1	31.347.589.903	31.553.906.108	113.228.386.944	115.966.322.718		
2.	02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	3.510.000		
3.	10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	V1.2	31.347.589.903	31.553.906.108	113.228.386.944	115.962.812.718		
4.	11	Giá vốn hàng bán		27.562.606.913	26.379.859.384	99.299.471.097	95.849.402.345		
5.	20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.784.982.990	5.174.046.724	13.928.915.847	20.113.410.373		
6.	21	Doanh thu hoạt động tài chính	V1.3	3.223.122.661	5.456.854.235	4.270.511.477	11.404.161.018		
7.	22	Chi phí tài chính	V1.4	1.461.279.223	86.355.222	1.519.565.238	153.994.331		
	23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-	-	-		
8.	24	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		3.110.567.923	3.011.585.154	14.885.728.844	12.240.748.359		
9.	25	Chi phí bán hàng		-	-	-	-		
10.	26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	V1.5	2.962.886.932	2.496.695.450	9.836.238.052	9.928.422.579		
11.	30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.694.507.419	11.059.435.441	21.729.352.878	33.675.902.840		
12.	31	Thu nhập khác		283.230.779	18.000.002	3.236.015.249	2.020.214.296		
13.	32	Chi phí khác		265.175.635	79.699.824	1.228.793.185	197.099.931		
14.	40	Lợi nhuận (lỗ) khác	V1.6	18.055.144	(61.699.822)	2.007.222.064	1.823.114.365		
15.	50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.712.562.563	10.997.735.619	23.736.574.942	35.499.017.205		
16.	51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		383.474.297	1.637.075.829	1.631.086.615	4.574.248.816		
17.	52	Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		24.491.942	2.666.667	(31.179.003)	(137.567.941)		
18.	60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.304.596.324	9.357.993.123	22.136.667.330	31.062.336.330		
		<i>Trong đó:</i>							
	61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		5.290.992.633	9.358.232.129	22.073.497.265	30.997.058.210		
	62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		13.603.691	(239.006)	63.170.065	65.399.422		
	70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	V1.8	376,79	638,07	1.571,92	2.113,46		
	71	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	V1.9	376,79	638,07	1.571,92	2.113,46		



Hải Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

(Signature)
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Kế toán trưởng

(Signature)
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Người lập biểu

(Signature) là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số	
			Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.736.574.942	35.499.017.205
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.267.150.197	13.104.914.410
- Các khoản dự phòng	03		752.413.128	-
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		11.623.218	(57.445.337)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.788.354.093)	(23.741.032.645)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.979.407.392	24.805.453.633
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		8.715.994.634	(15.009.077.217)
- Tăng hàng tồn kho	10		74.768.464	(321.715.907)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.719.943.154)	5.113.224.585
- Tăng chi phí trả trước	12		1.145.946.088	(1.253.814.311)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(9.529.406.637)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.856.575.664)	(5.938.867.484)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.994.125.561)	(2.190.081.458)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.816.065.562	5.205.121.841
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.165.882.984)	(22.727.463.996)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		877.054.546	1.633.400.577
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(106.845.655)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.899.983.181
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.282.694.444)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.596.978.804	21.661.046.898
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.201.304.711	3.184.272.216
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.785.847.305)	(14.522.295.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.785.847.305)	(14.522.295.620)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.768.477.032)	(6.132.901.563)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		46.523.785.892	52.599.242.118
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11.623.218)	57.445.337
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		42.743.685.642	46.523.785.892



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

NGUYỄN THỊ HUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆP
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆP
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ
- Ngành, nghề kinh doanh** :

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

- Cấu trúc của Công ty**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 2 Công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần vốn sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Tầng 6, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2,	100,00% (trong đó: 99,00%	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần vốn sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
	Q. Hải An, TP. Hải Phòng	trực tiếp và 1,00% gián tiếp)		

Công ty liên kết

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	25,00%	25,00%	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ vận tải đường bộ

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 166 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 163 người).

II. KỶ KẾ TOÁN. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là kỳ kế toán thứ 16 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

6. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

10/10/17

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

11. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

Số năm

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải	5 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	5 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

12. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư đóng sà lan, chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

14. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí sửa chữa, chi phí kiểm định, phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân bổ vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân bổ vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí văn phòng, chi phí sửa chữa và chi phí khác đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 5 năm;

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

16. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu. phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành thêm trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số dư 31/12/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
Tiền mặt	1.382.887.962	1.594.004.861
Tiền gửi ngân hàng	9.089.179.031	12.429.781.031
Tiền đang chuyển	1.225.027.456	-
Các khoản tương đương tiền (i)	31.046.591.193	32.500.000.000
Cộng	<u>42.743.685.642</u>	<u>46.523.785.892</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4.5%/năm đến 5.2%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn**

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	1.176.359.543	1.082.694.444
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	213.180.556	200.000.000
Cộng	<u>1.389.540.099</u>	<u>1.282.694.444</u>

3. Phải thu của khách hàng

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	3.003.581.370	5.760.687.873
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	327.103.606	326.593.044
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.508.043.759	2.520.543.759
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	2.214.620.064	1.191.982.778
Công ty TNHH Tiếp Vận Việt Tín	-	175.025.000
Công ty TNHH Toàn Cầu Khải Minh	950.318.470	-
Công ty TNHH TM vận chuyển Toàn Cầu	2.111.388.000	5.827.429.200
Các khách hàng khác	19.172.043.590	20.024.711.580
Cộng	<u>30.287.098.859</u>	<u>35.826.973.234</u>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	3.003.581.370	5.760.687.873
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	327.103.606	326.593.044
Cộng	<u>3.330.684.976</u>	<u>6.087.280.917</u>

4. Phải thu khác

	<u>Số dư 31/12/2017</u>		<u>Số dư 01/01/2017</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	7.984.546.314	-	8.387.693.815	-
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.352.378.277	-	6.352.378.277	-
Tạm ứng nhân viên	339.715.625	-	398.286.810	-
Ký cược, ký quỹ	401.000.000	-	270.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi dự thu	185.870.433	-	242.131.603	-
	-		80.633.501	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	705.581.979	-	1.044.263.624	-
b) Phải thu dài hạn khác	367.088.000	-	467.088.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	367.088.000	-	467.088.000	-
Cộng (*)	8.351.634.314	-	8.854.781.815	-
(*) Phải thu khác bên liên quan		-		-
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.352.378.277	-	6.352.378.277	-

5. Hàng tồn kho

	<u>Số dư 31/12/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
Nguyên liệu, vật liệu	260.714.026	147.954.792
Hàng hóa	395.380.607	582.908.305
Cộng	656.094.633	730.863.097
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	656.094.633	730.863.097

6. Chi phí trả trước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	2.556.945.477	4.899.006.167	(5.496.446.547)	1.959.505.097
b) Chi phí trả trước dài hạn	5.342.050.278	4.171.853.238	(4.720.358.945)	4.793.544.571
Cộng	7.898.995.755	9.070.859.405	(10.216.805.492)	6.753.049.668

11/31/2017 12:13:17

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tài	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2017	76.808.507.516	-	78.198.825.481	3.755.344.698	4.094.128.273	162.856.805.968
Tăng trong kỳ	13.183.182.290	1.023.020.774	10.307.804.059	1.637.688.065	-	26.151.695.188
Giảm trong kỳ	-	-	1.885.391.883	-	-	1.885.391.883
Số dư 31/12/2017	89.991.689.806	1.023.020.774	86.621.237.657	5.393.032.763	4.094.128.273	187.123.109.273
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2017	23.271.928.820	-	40.103.943.905	1.468.921.660	2.165.098.666	67.009.893.051
Tăng trong kỳ	3.380.951.998	62.517.939	8.108.837.817	478.937.427	705.760.380	12.737.005.561
Giảm trong kỳ	-	-	1.514.351.118	-	-	1.514.351.118
Số dư 31/12/2017	26.652.880.818	62.517.939	46.698.430.604	1.947.859.087	2.870.859.046	78.232.547.494
Giá trị còn lại						
Số dư 01/01/2017	53.536.578.696	-	38.094.881.576	2.286.423.038	1.929.029.607	95.846.912.917
Số dư 31/12/2017	63.338.808.988	960.502.835	39.922.807.053	3.445.173.676	1.223.269.227	108.890.561.779
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại 01/01/2017	-	-	14.831.307.495	493.860.149	-	15.325.167.644
Tại 31/12/2017	13.648.627.789	-	12.933.198.639	493.860.149	-	27.075.686.577

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2017	1.893.987.237	1.893.987.237
Tăng trong kỳ	22.164.545.456	22.164.545.456
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 31/12/2017	24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2017	22.481.820	22.481.820
Tăng trong kỳ	530.144.636	530.144.636
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 31/12/2017	552.626.456	552.626.456
Giá trị còn lại		
Số dư 01/01/2017	1.871.505.417	1.871.505.417
Số dư 31/12/2017	23.505.906.237	23.505.906.237

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
Mua sắm tài sản cố định	731.116.363	-
Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau Cảng	-	34.779.448.068
Các công trình khác	4.041.768.636	5.882.649.091
Cộng	4.772.884.999	40.662.097.159

10. Đầu tư tài chính

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
a) Chứng khoán kinh doanh	9.529.406.637	-
Đầu tư mua cổ phiếu niêm yết (i)	9.529.406.637	-
b) Đầu tư tài chính dài hạn	47.985.303.535	43.867.260.720
Đầu tư vào các công ty liên kết (ii)	45.085.286.716	40.967.243.901
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (iii)	2.900.016.819	2.900.016.819
Cộng	57.514.710.172	43.867.260.720

i) Đầu tư chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư mua cổ phiếu niêm yết (*)	9.529.406.637	10.052.500.000	-	-
Cộng	9.529.406.637	10.052.500.000	-	-

(*) Giá trị hợp lý của các cổ phiếu được niêm yết, giá hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**ii) Đầu tư vào các Công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

<i>Giá trị đầu tư</i>	Công ty TNHH	Công ty TNHH	Cộng
	"K" Line Việt Nam	Tiếp vận Dongbu Hải Minh	
Tại ngày 01/01/2017	18.175.783.651	7.069.435.800	25.245.219.451
Tại ngày 31/12/2017	18.175.783.651	7.069.435.800	25.245.219.451
Phần lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư			
Tại ngày 01/01/2017	12.904.942.310	2.817.082.140	15.722.024.450
Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết 9 tháng đầu năm	13.781.752.427	1.103.976.417	14.885.728.844
Cổ tức tạm ghi nhận trong năm	(9.585.996.166)	(558.110.000)	(10.144.106.166)
Điều chỉnh tăng giá trị theo giá trị tài sản thuần tại ngày 31/12/2017	(612.955.006)	(10.624.857)	(623.579.863)
Tại ngày 31/12/2017	16.487.743.565	3.352.323.700	19.840.067.265
Giá trị hợp lý			
Tại ngày 01/01/2017	31.080.725.961	9.886.517.940	40.967.243.901
Tại ngày 31/12/2017	34.663.527.216	10.421.759.500	45.085.286.716

iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	2.900.016.819	8.250.000.000	2.900.016.819	10.670.000.000
Cộng	2.900.016.819	8.250.000.000	2.900.016.819	10.670.000.000

(*) Giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 412.500 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trong đó bao gồm số cổ phiếu được trả cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu theo Thông báo số 520/TB-SGDHCM ngày 24 tháng 4 năm 2017 với tỷ lệ 2:1, số cổ phiếu tăng tương ứng 137.500 cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 275.000 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phải trả người bán

	Số dư 31/12/2017		Số dư 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.509.389.378	1.509.389.378	1.755.601.460	1.755.601.460
Công ty Hoa Tiêu Tân Cảng	773.729.698	773.729.698	901.434.593	901.434.593
Công ty Hoa Tiêu Khu vực I	473.851.192	473.851.192	832.982.116	832.982.116
Khách hàng khác	7.422.858.691	7.422.858.691	8.070.916.396	8.070.916.396
Cộng	10.179.828.959	10.179.828.959	11.560.934.565	11.560.934.565

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 31/12/2017
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	214.737.989	2.919.719.015	3.316.865.902	(182.408.898)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu	(143.136.281)	-	260.240.711	(403.376.992)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp	357.874.270	2.919.719.015	3.056.625.191	220.968.094
Thuế thu nhập doanh nghiệp	350.690.408	2.067.880.818	1.856.575.664	561.995.562
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu	(157.275.576)	157.275.576	66.205.360	(66.205.360)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp	507.965.984	1.910.605.242	1.790.370.304	628.200.922
Thuế thu nhập cá nhân	181.608.689	1.198.322.466	1.263.037.693	116.893.462
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu	(90.067.191)	20.236.019	72.142.853	(141.974.025)
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp	271.675.880	1.178.086.447	1.190.894.840	258.867.487
Các loại thuế khác	111.146.143	1.849.594.745	1.907.466.604	53.274.284
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Thuế đất	(11.797.000)	676.579.000	664.782.000	-
Thuế phải nộp	(11.797.000)	280.094.000	268.297.000	-
Thuế phải thu	-	396.485.000	396.485.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	122.943.143	1.160.015.745	1.229.684.604	53.274.284
Thuế phải nộp	122.943.143	1.160.015.745	1.229.684.604	53.274.284
Thuế phải thu	-	-	-	-
Cộng	858.183.229	8.035.517.044	8.343.945.863	549.754.410

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	402.276.048	611.556.377
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.260.459.277	1.161.310.787

13. Phải trả khác

	Số dư 31/12/2017	Số dư 01/01/2017
a) Phải trả ngắn hạn khác	1.096.401.217	7.809.293.895
Kinh phí công đoàn	51.722.930	116.401.880
BHXH	126.484.836	21.960.159
BHYT	24.490.415	5.554.500
BHTN	10.628.921	2.030.900
Cổ tức phải trả	13.923.195	6.599.923.500
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	118.300.000	86.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	750.850.920	977.422.956
b) Phải trả dài hạn khác	185.000.000	155.000.000
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	185.000.000	155.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	1.281.401.217	7.964.293.895
-------------	----------------------	----------------------

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số dư 01/01/2017	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong kỳ	Số dư 31/12/2017
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	67.351.090	1.859.823.493	(1.799.218.001)	127.956.582
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	347.203.140	1.239.882.328	(1.194.907.560)	392.177.908
Cộng	414.554.230	3.099.705.821	(2.994.125.561)	520.134.490

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu**Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2016	100.000.000.000	5.860.984.271	6.746.260.664	109.777.973.675	1.546.892.203	223.932.110.813
Tăng vốn	31.998.470.000	-	-	-	-	31.998.470.000
Lợi nhuận năm 2016	-	-	-	30.997.058.210	65.278.165	31.062.336.375
Trích lập các quỹ	-	-	-	(3.993.413.436)	(122.523.169)	(4.115.936.605)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.119.755.200)	-	(21.119.755.200)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.791.868.883	-	3.791.868.883
Điều chỉnh khác	-	33.000.000	-	(114.444.335)	(164.613.670)	(246.058.005)
Số 31/12/2016	131.998.470.000	5.893.984.271	6.746.260.664	119.339.287.797	1.325.033.529	265.303.036.261
Số dư 01/01/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	6.746.260.664	119.339.287.797	1.325.033.529	265.303.036.261
Lợi nhuận năm 2017	-	-	-	22.073.497.265	63.170.065	22.136.667.330
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	(3.099.705.821)	-	(3.099.705.821)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.199.847.000)	-	(13.199.847.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(55.149.456)	(55.149.456)
Tăng khác	-	-	-	10.128.709	-	10.128.709
Giảm khác	-	-	(556.728)	(1.703.141.428)	(10.128.709)	(1.713.826.865)
Số dư 31/12/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	6.745.703.936	123.420.219.522	1.322.925.429	269.381.303.158

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Tại 31/12/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

16. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất*Ngoại tệ các loại*

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Đô la Mỹ	USD	22.584,52	70.892,56

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý IV năm 2017</u>	<u>Quý IV năm 2016</u>	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Tổng doanh thu				
Dịch vụ vận tải	11.058.460.492	13.789.807.836	39.874.907.224	47.244.273.138
Dịch vụ khai thác kho bãi	13.854.772.247	12.184.302.881	47.731.613.417	47.174.955.867
Dịch vụ đại lý container	3.273.285.852	2.903.912.696	14.424.393.690	11.663.408.448
Cho thuê văn phòng	673.242.222	326.373.830	2.104.834.082	1.519.916.416
Doanh thu bán hàng hóa	2.487.829.090	2.349.508.865	9.092.638.531	8.363.768.849
Cộng	<u>31.347.589.903</u>	<u>31.553.906.108</u>	<u>113.228.386.944</u>	<u>115.966.322.718</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải	11.324.384.968	14.177.326.921	41.559.084.070	45.703.167.057
Giá vốn khai thác kho bãi	11.594.544.222	8.956.268.553	39.882.370.139	35.823.614.138
Giá vốn đại lý container	1.958.435.410	699.883.859	7.821.094.596	4.734.872.148
Giá vốn cho thuê văn phòng	365.912.342	312.075.219	1.316.230.524	1.538.768.880
Giá vốn hàng hóa	2.319.329.971	2.234.304.832	8.720.691.768	8.048.980.122
Cộng	<u>27.562.606.913</u>	<u>26.379.859.384</u>	<u>99.299.471.097</u>	<u>95.849.402.345</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi ngân hàng	458.347.737	513.514.390	1.208.634.944	1.474.185.192
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	-	-	-	3.880.218
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	114.501.656	-	187.976.524	225.351.295
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.285.625	206.340.819	258.912.366	393.654.494
Đầu tư khác	412.500.000	4.660.879.244	412.500.000	1.258.500.000
Đầu tư chứng khoán	2.202.487.643	-	2.202.487.643	7.968.589.819
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	76.119.782	-	80.000.000
Cộng	3.223.122.661	5.456.854.235	4.270.511.477	11.404.161.018

4. Chi phí tài chính

	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.013.992	76.058.292	59.197.606	133.972.413
Chi phí đầu tư chứng khoán	1.448.744.414	10.296.930	1.448.744.414	20.021.918
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.520.817	-	11.623.218	-
Cộng	1.461.279.223	86.355.222	1.519.565.238	153.994.331

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	1.435.295.295	1.395.610.878	5.666.592.554	5.388.628.699
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	87.094.118	114.881.035	329.700.835	312.195.129
Chi phí dụng cụ quản lý	25.353.264	93.652.868	103.936.158	370.902.934
Chi phí khấu hao	96.589.670	83.107.598	399.514.730	402.641.708
Thuế phí và lệ phí	4.892.048	5.934.953	39.866.271	40.139.813
Chi phí dự phòng	769.730.660	41.165.503	787.048.196	164.662.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	451.593.069	428.426.448	1.983.425.306	1.845.086.775
Chi phí bằng tiền khác	92.338.808	333.916.167	526.154.002	1.404.165.521
Cộng	2.962.886.932	2.496.695.450	9.836.238.052	9.928.422.579

6. Lợi nhuận khác

Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	279.090.909	-	877.054.546	1.633.400.577
Thu nhập khác	4.139.870	18.000.002	2.358.960.703	386.813.719
Cộng	283.230.779	18.000.002	3.236.015.249	2.020.214.296
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	196.967.314	-	585.096.083	-
Phạt vi phạm hành chính	48.208.321	29.811.283	72.357.263	87.120.563
Chi phí khác	20.000.000	49.888.541	571.339.839	109.979.368
Cộng	265.175.635	79.699.824	1.228.793.185	197.099.931

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	18.055.144	(61.699.822)	2.007.222.064	1.823.114.365
--	-------------------	---------------------	----------------------	----------------------

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.736.574.942	43.204.713.217
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(14.927.957.996)	(19.695.500.961)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.901.900	11.582.760
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(14.930.859.896)	(19.707.083.721)
Thu nhập chịu thuế	8.808.616.946	23.509.212.256
Thuế suất áp dụng thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	1.761.723.388	4.574.248.816
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	130.636.773	-
Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.631.086.615	4.574.248.816

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Riêng Công ty con là Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh được hưởng các ưu đãi đối với dự án thực hiện trong khu kinh tế cụ thể như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo.
- Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

8. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	5.290.992.633	9.358.232.129	22.073.497.265	30.997.058.210
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(317.459.558)	(935.823.213)	(1.324.409.836)	(3.099.705.821)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.973.533.075	8.422.408.916	20.749.087.429	27.897.352.389
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	13.199.847	13.199.847	13.199.847
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	376,79	638,07	1.571,92	2.113,46

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.973.533.075	8.422.408.916	20.749.087.429	27.897.352.389
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	4.973.533.075	8.422.408.916	20.749.087.429	27.897.352.389
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	13.199.847	13.199.847	13.199.847
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.199.847	13.199.847	13.199.847	13.199.847
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	376,79	638,07	1.571,92	2.113,46

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	23.148.100.234	22.672.969.197
Chi phí nhân viên	27.161.712.024	28.316.923.881
Chi phí khấu hao	13.267.150.197	13.104.914.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.378.473.672	38.901.628.511
Chi phí bằng tiền khác	1.180.273.022	2.781.388.925
Cộng	109.135.709.149	105.777.824.924

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Trong kỳ. Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	6.333.335.649	9.325.109.626
<i>Cổ tức được chia</i>	9.585.996.166	10.959.771.887
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Cung cấp dịch vụ	1.651.009.137	3.517.388.965
Cổ tức được chia	558.110.000	-
Thanh lý tài sản cố định	-	1.520.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số dư 31/12/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Phải thu	3.003.581.370	5.760.687.873
Phải thu khác	6.352.378.277	6.352.378.277
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Phải thu	327.103.606	326.593.044

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Lương, thưởng và phụ cấp	2.240.036.666	1.875.055.341
Cộng	2.240.036.666	1.875.055.341

2. Giải trình kết quả kinh doanh giảm so với cùng kỳ năm trước

Suy thoái kinh tế tiếp tục kéo dài và bất ổn chính trị tại một số cường quốc có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu là những nguyên nhân chính gây ảnh hưởng lớn đến Dịch vụ Logistic nói chung và làm suy giảm hiệu quả kinh doanh của một số dịch vụ tại đơn vị nói riêng. Đặc biệt tại khu vực Thành phố Hải Phòng (nơi tập đoàn có 3 đơn vị thành viên (Công ty con) đang hoạt động), việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông theo Quyết định của Sở giao thông thành phố Hải Phòng, dẫn đến tuyến đường từ Ngã ba Đình Vũ đi các Cảng và KCN Đình Vũ bị cấm lưu thông dẫn đến hoạt động khai thác của các đơn vị thành viên thuộc tập đoàn chúng tôi bị sụt giảm nghiêm trọng, cụ thể số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty trên Báo cáo hợp nhất ảnh hưởng (giảm) 8.923.560.945 VND tương ứng giảm 28,79% so với cùng kỳ năm trước.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN T. BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN T. BÍCH DIỆU
Người lập biểu